

GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM: XU THẾ, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM

Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Quỳnh

Trường ĐH Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập là hai bộ phận tồn tại song song trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Phát triển giáo dục ngoài công lập là một xu thế tất yếu phù hợp với quy luật phát triển khách quan của nền giáo dục trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Giáo dục ngoài công lập đang có sự phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh nước ta hiện nay bởi các vai trò quan trọng như: Góp phần giảm tải áp lực tuyển sinh và phổ cập giáo dục ở các cấp học, nhất là giáo dục mầm non và tiểu học; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển giáo dục; thúc đẩy sự gia tăng chất lượng giáo dục; góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của người học; góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giáo dục ngoài công lập cũng sở hữu những đặc tính để có thể tạo nên sự phát triển đột phá, bao gồm: Tính phi lợi nhuận và vì lợi nhuận phức tạp; tính sở hữu thuộc sở hữu tư; tính tự chủ cao; tính linh hoạt và thích ứng cao với cơ chế thị trường; tinh gọn, hiệu quả; tinh cạnh tranh cao;...

Từ khóa: Cơ sở giáo dục ngoài công lập, giáo dục ngoài công lập, kinh tế thị trường xu thế phát triển giáo dục.

Nhận bài ngày 12.12.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.01.2024

Liên hệ tác giả: Đỗ Thị Thu Hằng; Email: dtthang@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển hệ thống giáo dục (GD) ngoài công lập là một xu thế tất yếu khách quan, bởi lẽ bản chất của giáo dục đều chứa đựng các yếu tố lợi ích công và lợi ích tư, trách nhiệm công và trách nhiệm tư của chủ thể liên quan (cho dù ở bất kỳ cấp độ nào, hình thức giáo dục nào). Trên thế giới, nhiều quốc gia coi giáo dục đại học là lĩnh vực mang tính hàng hóa dịch vụ cao (lợi ích tư cao), và do đó tiếp cận cơ chế thị trường sâu rộng hơn so với các cấp, bậc giáo dục phổ cập, giáo dục cơ bản, giáo dục bắt buộc. Cũng tương tự, xu thế phát triển giáo dục ngoài công lập này hiện nay đã và đang rất phát triển ở Việt Nam, nhân lực cho quản lý, quản trị hành chính trường học, thực hiện các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước về giáo dục ở trên thế giới và Việt Nam ngày càng gia tăng do nhu cầu về quy mô và chất lượng giáo dục ngày càng phát triển. Điều này được thể hiện ở một số nghiên cứu như “The future of schools: Lessons from the reform of public education” chỉ ra rằng sự nỗ lực trên khắp thế giới trong xây dựng trường học tự quản là do giáo dục công lập bị ràng buộc bởi cơ chế tập trung hóa và quan liêu cao. Ngoài ra, tác giả cũng cho rằng nền giáo dục công lập cần được cải tiến và bên cạnh đó cần phát triển giáo dục ngoài công lập. (Brian J. Caldwell, Don Hayward, 1997) [17]. Ở Việt Nam tác giả Trần Quốc Toàn (2012), Đào Thị Hòa (2020) đã phân tích phát triển giáo dục ngoài công lập là xu hướng tất yếu đáp ứng yêu cầu của quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam [11; 15].

Bài báo này tập trung phân tích các đặc điểm của cơ sở giáo dục ngoài công lập trong cơ chế

thị trường, với các đặc điểm như tính phi lợi nhuận, sở hữu tư, tự chủ, linh hoạt và cạnh tranh. Thông qua các phân tích, bài báo chỉ ra xu thế phát triển giáo dục ngoài công lập ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cũng như định hướng về nhu cầu nhân sự hành chính giáo dục trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập trong việc duy trì và phát triển các hoạt động giáo dục.

2. NỘI DUNG

2.1. Xu thế phát triển giáo dục ngoài công lập

Cơ sở giáo dục ngoài công lập là là cơ sở giáo dục được thành lập và điều hành bởi cá nhân, tổ chức trong nước đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và tự đầu tư. Cơ sở giáo dục ngoài công lập được hoạt động độc lập dựa trên những quy định về giáo dục ngoài công lập. Các hoạt động của trường chủ yếu dựa trên sự đóng góp của học sinh, sinh viên hoặc các nhà đầu tư đầu tư.

Mặc dù được hoạt động độc lập nhưng cơ sở giáo dục ngoài công lập cũng là cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục chung của cả quốc gia. Do đó, các vấn đề liên quan đến chương trình học, tuyển sinh của trường vẫn phải dựa trên quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Trên thế giới, xu thế phát triển giáo dục ngoài công lập hiện nay đã và đang rất phát triển. Ở nhiều nước đầu tư công (của Nhà nước) cho GD, đặc biệt là GD đại học thường có thể chiếm tỷ trọng ít hơn so với đầu tư công trong giáo dục phổ thông như Mỹ, Canada, Anh, Úc, Nhật Bản, Israel, Korea, New Zeland... (Sawyer, Akilagpa, 2004, dẫn theo Trần Quốc Toàn 2012) [15]. Thậm chí ở nhiều nước từ lâu đã có Luật Giáo dục ngoài công lập. Ví dụ như: Ở Pháp các điều luật về giáo dục ngoài công lập đã có từ thế kỷ XIX, ở Trung Quốc, Luật phát triển GD ngoài công lập từ năm 2002, Thái Lan có Điều luật các trường tư thục từ năm 1982,... Sự xuất hiện của GD ngoài công lập của các quốc gia trên thế giới xuất phát từ sự gia tăng về nhu cầu học tập và sự phát triển kinh tế thị trường (Trần Thị Ngọc Trâm, Bùi Thị Kim Tuyền, 2012) [14].

Có thể rút ra các xu thế chính trong phát triển GD ngoài công lập trên thế giới như sau:

- Sự phát triển của các trường học tư và trường học cộng đồng với mục đích cung cấp dịch vụ giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người học.
- Sự đa dạng hóa các lĩnh vực giáo dục ngoài công lập như giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục phổ thông và mầm non.
- Mô hình cơ sở giáo dục ngoài công lập ngày càng đa dạng ở các quốc gia.
- Sự đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) ngày càng phát triển trong cả hệ thống giáo dục ngoài công lập trên tinh thần phi lợi nhuận ngày càng phát triển.

Đối với Việt Nam, tư tưởng giáo dục chỉ được định hình rõ nét từ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, từ đó nền giáo dục với quan điểm về tổ chức quản lý giáo dục đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đó là: dân chủ hóa về mục tiêu phát triển; dân tộc và đại chúng hóa về tổ chức đào tạo; nhân văn về nội dung đào tạo; khoa học hóa về phương pháp đào tạo; xã hội hóa về hình thức đào tạo. Những quan điểm này là nền tảng xây dựng một nền giáo dục dân chủ, dân tộc, nhân văn, khoa học và đại chúng, đồng thời nhận thấy tiềm năng to lớn để phát triển thông qua xã hội hóa giáo dục.

Từ những tư tưởng trên, cùng với tác động của quá trình đổi mới kinh tế của đất nước, Đảng, Nhà nước đã ban hành những quyết sách lớn về giáo dục ngoài công lập, Nghị quyết hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương 2, Khóa VII của Đảng đã ban hành những quyết sách lớn về giáo dục ngoài công lập, Nghị quyết Trung ương 4, Khóa VIII tiếp tục phát triển các trường ngoài công lập: bán công, dân lập, tư thục [1; 2]. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII tiếp tục cho chủ trương phát triển các trường dân lập, tư thục [3]. Ngoài ra, các chính sách để khuyến khích tạo điều kiện để hệ thống giáo dục ngoài công lập phát triển như: Nghị định số 73/1999/NĐ – CP của Chính phủ về khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa thể thao [6].

Đồng thời, ra đời các quy chế về hoạt động các loại trường dân lập, tư thục, tạo hành lang pháp lý quan trọng để các cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển.

* Định hướng phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập tại Việt Nam trong những năm gần đây:

Theo Điều 1, Nghị định số 53/2006/NĐ – CP ngày 25/5/2006 (gọi tắt là Nghị định số 53) hướng dẫn như sau [7]:

- Cơ sở giáo dục ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Nghị định số 53 của Chính phủ, bao gồm các cơ sở dân lập và tư thục. Như vậy cơ sở giáo dục ngoài công lập gồm các:

- Cấp mầm non: gồm các nhóm trẻ dân lập và trường mầm non tư thục
- Cấp phổ thông: gồm các trường trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, các trường phổ thông quốc tế
- Giáo dục nghề nghiệp: các trường trung cấp nghề tư thục, các cơ sở GD nghề tư thục
- Giáo dục đại học: các trường cao đẳng tư thục, trường đại học tư thục và trường đại học 100% vốn nước ngoài.

Theo mục II, Thông tư 91/2006/TT-BTC có quy định như sau [4]: Cơ sở ngoài công lập là cơ sở là cơ sở do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoặc cộng đồng dân cư thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước và hoạt động theo quy định của pháp luật. Cơ sở ngoài công lập được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản riêng được mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc nhà nước và được thành lập theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, khoa học-công nghệ, môi trường (vệ sinh môi trường, cấp, thoát nước và hoạt động môi trường khác), xã hội (cơ sở chăm sóc người già cô đơn, chăm sóc người tàn tật, cơ sở cai nghiện ma túy), dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Đặc biệt trong những năm gần đây, Chính phủ đã có những nghiên cứu và đề xuất những chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập đáp ứng được nhu cầu thực tế và phát triển của đất nước như:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục [4] và Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 6/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục [9];

- Luật Giáo dục 2019, tại khoản 2, Điều 16 quy định rõ vấn đề xã hội hóa, khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập, cụ thể: "Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao" [12].

- Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục. Trong đó đã quy định về ưu đãi, khuyến khích: "Trường phổ thông tư thục được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật" [5].

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2020 -2021, với tổng số có 42.080 cơ sở giáo dục từ nhà trẻ, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục đại học,

trong đó chiếm khoảng 1/10 là cơ sở giáo dục ngoài công lập (4.077 cơ sở với gần 1,9 triệu học sinh, sinh viên, trong đó giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, hiện có 4.011 cơ sở giáo dục ngoài công lập trong tổng số 42.080 cơ sở đạt 9,5%, với xấp xỉ 1,5 triệu trẻ em mầm non và học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập trong tổng số 22,6 triệu học sinh đạt 6,8% (nguồn: Niên giám thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo tháng 5/2021) [13]. Ngoài ra, các trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm giáo dục tư nhân như trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng,... cũng đang rất phát triển ở Việt Nam. Đây chính là cơ hội cho sinh viên của ngành Quản lý giáo dục và ngành Công tác xã hội có thể tiếp cận việc làm tại các vị trí phù hợp trong các cơ sở giáo dục này tại hiện tại và tương lai.

Như vậy, ở Việt Nam, giáo dục ngoài công lập là một xu thế tất yếu, phát triển ngày càng mạnh mẽ phù hợp với xu thế giáo dục trên thế giới; Cùng với hệ thống GD công lập, hệ thống GD ngoài công lập của Việt Nam góp phần tạo ra những giá trị to lớn cho sự phát triển GD và kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, sự phát triển của hệ thống giáo dục ngoài công lập đã góp phần giảm ngân sách chi cho giáo dục, huy động được nguồn lực xã hội cho sự nghiệp phát triển giáo dục nước nhà.

2.2. Vai trò của giáo dục ngoài công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

Giáo dục công lập và ngoài công lập là hai bộ phận hữu cơ của nền giáo dục quốc dân. Giáo dục Việt Nam muốn phát triển bắt kịp với xu thế phát triển cả khu vực và thế giới, chúng ta cần phải quan tâm, coi trọng đồng đều đến hai bộ phận hữu cơ này để cả hai đều phát triển cân đối, hài hòa và hỗ trợ tích cực lẫn nhau nhằm hướng tới chất lượng giáo dục bền vững. Hệ thống giáo dục công lập hay ngoài công lập, dù ở cấp độ nào, dưới hình thức nào đều bao gồm các yếu tố của lợi ích tư và lợi ích công do giáo dục luôn có tác động ngoại biên dương (Trần Quốc Toàn, 2012) [15]. Trách nhiệm công và trách nhiệm tư của các chủ thể liên quan dù có khác nhau giữa công lập và ngoài công lập nhưng giáo dục được xác định là một lĩnh vực dịch vụ, lĩnh vực đầu tư cho phát triển, với sự tham gia của nhiều chủ thể, nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Chính vì vậy giáo dục nói chung và giáo dục ngoài công lập nói riêng được vận hành như một doanh nghiệp, các hoạt động được thực hiện dựa trên các nguyên lý của kinh tế thị trường.

Thực tế hơn 20 năm qua giáo dục ngoài công lập đã phát triển mạnh cả về quy mô và chất lượng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam. Tính riêng trong giai đoạn 2001-2012, tỷ lệ học sinh, sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập chiếm 0,6% ở tiểu học, THCS; hơn 9% ở THPT và gần 20% đại học, cao đẳng. Đây là tỷ lệ trung bình của cả nước, trong đó tỷ lệ học sinh ngoài công lập ở các tỉnh, thành phố cao hơn nhiều so với mức trung bình chung (<https://hanoimoi.vn/giao-duc-cong-lap-va-ngoai-cong-lap-la-hai-bo-phan-huu-co-cua-nen-giao-duc-401436.html>) [16]. Theo kế hoạch, trong thời gian tới phấn đấu đẩy mạnh huy động các nguồn lực của xã hội, thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 8,75% số cơ sở và 8,9% người học vào năm 2020 và lần lượt là 13,5% và 16% vào năm 2025 [10].

Với sự phát triển lớn mạnh của hệ thống giáo dục ngoài công lập ở Việt Nam, đem lại những giá trị và lợi ích rất lớn góp phần tạo dựng nền giáo dục quốc dân ngày một hoàn thiện và phát triển. Vai trò của hệ thống giáo dục ngoài công lập thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Góp phần giảm tải áp lực tuyển sinh và phổ cập GD mầm non, tiểu học: Hiện nay, GD ngoài công lập, tại khu vực thành thị đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT), còn đang góp phần cùng các trường phổ thông thực hiện chủ trương phổ cập GD mầm non, tiểu học, THCS và tiến tới phổ cập THPT theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI.

- Huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển giáo dục: Trong khi các trường công lập được Nhà nước đầu tư về cơ sở vật chất, trả lương giáo viên, được cấp kinh phí hàng năm cho hoạt động giáo dục (tính trên đầu học sinh), ví dụ như ở cấp THPT là 4,5 triệu đồng/năm học/học sinh), thì các trường ngoài công lập không được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, không sử dụng

ngân sách mà hoạt động dựa vào các nhà đầu tư tâm huyết với giáo dục và sự đóng góp của phụ huynh theo cơ chế xã hội hóa giáo dục.

- Thúc đẩy sự gia tăng chất lượng giáo dục: để thu hút được người học đến với mình, cơ sở giáo dục ngoài công lập phải nỗ lực nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng dịch vụ, từ đó tác động và tạo ra hiệu ứng đối với các cơ sở giáo dục công lập, từ đó công hưởng cùng phát triển. Nhiều cơ sở giáo dục ngoài công lập đã xây dựng được thương hiệu chất lượng cao, khẳng định được vị thế trong xã hội, được xã hội ghi nhận và đánh giá cao.

- Góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của người học: Sự xuất hiện của cơ sở giáo dục ngoài công lập góp lời giải cho 'bài toán khó' về quá tải trường lớp tại những thành phố đông dân, đây là xu hướng tất yếu đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng phát triển của cá nhân và xã hội. Mặt khác để tồn tại và cạnh tranh được với hệ thống cơ sở giáo dục công lập, các cơ sở giáo dục ngoài công lập luôn tìm tòi, đổi mới các hoạt động để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

- Góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời: Cơ sở giáo dục ngoài công lập, ngoài hệ thống các trường từ thực thuộc các các bậc học từ mầm non, phổ thông đến bậc đại học, thì còn có rất nhiều các trung tâm học tập, các viện đào tạo, nghiên cứu được thành lập bởi cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động. Hệ thống các cơ sở này đã góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời cho mọi người.

2.3. Đặc điểm của cơ sở giáo dục ngoài công lập

Giáo dục nói chung và giáo dục ngoài công lập nói riêng được vận hành như một doanh nghiệp, các hoạt động được thực hiện dựa trên các nguyên lý của kinh tế thị trường. Từ đó các cơ sở giáo dục ngoài công lập có những yêu cầu về sự tồn tại và phát triển trong điều kiện thực tiễn hiện nay.

Từ xu thế hội nhập và quốc tế hóa mọi mặt của xã hội, giáo dục chịu ảnh hưởng không nhỏ, đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ. Và sự xuất hiện của giáo dục ngoài công lập một phản thích ứng với xu thế chung của thời đại, tạo ra những vấn đề mới trong quản lý và các hoạt động giáo dục và đào tạo.

Ở Việt Nam, với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đặt ra những yêu cầu mới đối với giáo dục và giáo dục ngoài công lập. Cụ thể như sau [11;15]:

(1) Xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói riêng dẫn đến nhu cầu đào tạo, đào tạo lại và chuyển nghề nghiệp tăng nhanh;

(2) Giáo dục đào tạo ngày càng trở thành yếu tố mang tính đại chúng hóa, ngân sách nhà nước không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về các nguồn lực cho giáo dục nước nhà;

(3) Mô hình và cơ chế hoạt động theo phương thức truyền thống trước đây không còn phù hợp với thực tiễn ngày nay, tạo ra những rào cản hạn chế sự phát triển của lĩnh vực giáo dục;

(4) Trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế sâu rộng, vận dụng cơ chế thị trường để phát triển giáo dục và đào tạo hiệu quả hơn. (WTO và GATS coi giáo dục và đào tạo là một ngành dịch vụ, mở ra cơ hội kinh doanh toàn cầu);

(5) Tri thức và sức lao động có trình độ cao đang trở thành hàng hóa đặc biệt mang tính chất toàn cầu; đầu tư cho giáo dục đào tạo là đầu tư cho phát triển;

(6) Với mỗi cá nhân người học, đầu tư cho giáo dục và đào tạo cho chính mình là đầu tư có lợi ích nhất cho hiện tại và tương lai của họ;

(7) Các nhà đầu tư, các nhà kinh doanh nhận thấy giáo dục và đào tạo là lĩnh vực đầu tư mang lại hiệu quả cả ở trong nước và ở các nước trên thế giới.

Từ những yêu cầu trên đặt ra cho các cơ sở giáo dục nói chung và cơ sở giáo dục ngoài công lập nói riêng đòi hỏi cần có những phương thức thực hiện theo hướng thích ứng, phù hợp với cơ chế thị trường, đảm bảo được sự tồn tại và phát triển của đơn vị trước những cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.

Chính vì thế, do xu thế phát triển nên cơ chế hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập được thực hiện theo nguyên lý hoạt động của nền kinh tế thị trường, tức là quá trình vận hành cơ sở giáo dục ngoài công lập theo phương thức hoạt động của công ty. Mặc dù cơ sở giáo dục ngoài công lập tồn tại 2 loại hình cơ sở giáo dục: vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận.

Với mục tiêu mở rộng quy mô phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, đồng thời tìm kiếm các giải pháp và mô hình giáo dục hiệu quả, có sức sống, nội lực mạnh mẽ đảm bảo duy trì và phát triển lợi ích của người học và của các nhà đầu tư, cũng như để khẳng định sự phù hợp, đúng đắn của chủ trương phát triển hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập của Đảng và Nhà nước.

Do các đặc điểm khác biệt của cơ sở giáo dục ngoài công lập nên trong quản lý cơ sở giáo dục có những nét khác với quản lý cơ sở giáo dục công lập. Quản lý phải thích ứng tốt nhất với bản chất của đối tượng quản lý thì mới đạt được hiệu quả. Theo Đào Thị Hòa (2020), cơ sở giáo dục ngoài công lập có những đặc điểm cơ bản như sau [11]:

Thứ nhất: Tính phi lợi nhuận và vì lợi nhuận phức tạp (đặc biệt trong các trường đại học ngoài công lập). Có hai loại hình trường đại học ngoài công lập: Trường đại học phi lợi nhuận và trường đại học vì lợi nhuận. Luật giáo dục đại học được Quốc hội thông qua năm 2012, quy định trường đại học không chia phần lợi nhuận tích lũy hàng năm cho các cổ đông, các nhà đầu tư mà đem phần đó tái đầu tư để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo và dịch vụ của trường, đó là đại học phi lợi nhuận. Còn đại học vì lợi nhuận, khi có lợi nhuận sẽ xử lý phần lãi hay lợi nhuận đó như là kinh doanh, chia cho các cổ đông và các nhà đầu tư. Trong Luật giáo dục sửa đổi năm 2018. Tuy nhiên, việc phân chia phi lợi nhuận và vì lợi nhuận là vấn đề rất phức tạp và tùy thuộc thể chế từng quốc gia và đôi khi đại học phi lợi nhuận trên danh nghĩa vẫn có thể có lợi nhuận ở những dịch vụ ngoài đào tạo. Ngược lại có trường vì lợi nhuận nhưng lại có nhiều dịch vụ miễn phí, cấp các học bổng.

Luật Giáo dục bổ sung quy định trường tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là trường mà nhà đầu tư cam kết và thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận, được ghi trong quyết định thành lập hoặc quyết định chuyển đổi loại hình trường; hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hàng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trường.

Thứ hai: Tính sở hữu thuộc sở hữu tư, nên đa phần các cơ sở giáo dục ngoài công lập sử dụng và khai thác các nguồn lực rất hiệu quả như: nguồn vốn, nguồn nhân lực, tối đa hóa đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị,...

Thứ ba: Tính tự chủ cao. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập không được hưởng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn lực tài chính chủ yếu đến từ nguồn thu học phí, do vậy tự chủ là thuộc tính của cơ sở giáo dục ngoài công lập. Do tự chủ về nguồn lực tài chính nên tự chủ về tổ chức, bộ máy quản trị, nhân sự, phương thức đào, liên kết đào tạo, chuyển giao, phục vụ cộng đồng,.... đồng thời công tác tuyển dụng, sắp xếp vị trí, nhân sự trong cơ sở giáo dục cũng rất linh hoạt đảm bảo sự phù hợp thực tiễn hoạt động của cơ sở giáo dục. Đặc biệt cơ sở giáo dục ngoài công lập, ngoài việc thực hiện các hoạt động chuyên môn còn rất chú trọng đến các vấn đề tiếp cận thị trường, các vấn đề huy động tài chính, tài sản, nhân sự, dịch vụ giáo dục, quảng bá thương hiệu,... đây cũng cũng là những vấn đề sống còn của cơ sở giáo dục ngoài công lập bên cạnh sự đảm bảo về chất lượng đầu ra của cơ sở giáo dục. Đây chính là nét khác biệt với cơ sở giáo dục công lập.

Thứ tư: Tính linh hoạt và thích ứng cao với cơ chế thị trường. Để tồn tại và phát triển, cơ sở

giáo dục ngoài công lập nhất thiết phải có tính thích ứng với cơ chế thị trường, thích ứng với những thay đổi và biến động của kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý trong cơ sở giáo dục ngoài công lập có nhiều điểm tương đồng với quản lý doanh nghiệp tư nhân: có vấn đề đặt ra về bài toán tuyển sinh, đào tạo, đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng, hình ảnh, danh tiếng, lợi nhuận,... Do đó, công tác quảng bá truyền thông, xây dựng thương hiệu - danh tiếng, xây dựng văn hóa nhà trường thường được các cơ sở giáo dục ngoài công lập chú ý và đặt lên hàng đầu.

Thứ năm: Tinh gọn và hiệu quả. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập có thể chủ động linh hoạt thực hiện công tác phát triển và duy trì nguồn nhân lực bao gồm công tác tuyển dụng, sắp xếp vị trí việc làm, bồi dưỡng đội ngũ. Cơ sở giáo dục có thể thành lập các nhóm công tác đặc biệt để thực thi những nội dung công việc trong thời gian ngắn, tổ chức, tập hợp mang lại hiệu quả cao. Các nhân sự trong cơ sở giáo dục làm kiêm nhiệm với nhiều vị trí và công việc khác nhau. Đây là cách để tối ưu hóa nguồn lực hiện có, quản lý linh hoạt, năng động.

Thứ sáu: Cạnh tranh. Do đặc thù về sở hữu cũng như không được nguồn kinh phí từ nhà nước nên các cơ sở giáo dục ngoài công lập phải luôn luôn nỗ lực và tìm phương án tối ưu cho các hoạt động để có thể cạnh tranh và phát triển được.

3. KẾT LUẬN

Dự kiến đến năm 2025, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt 25% với số trẻ em theo học đạt 30%; ở phổ thông tỷ lệ là 2,7% và 3%; giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập đạt 35%; đến năm 2025, đạt tỷ lệ 40% [10]. Như vậy có thể thấy, giáo dục ngoài công lập đang dần chiếm một tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Từ việc phân tích những định hướng phát triển trên, các cơ sở giáo dục ngoài công lập có thể xây dựng những chiến lược phát triển nhân sự, đưa ra những yêu cầu cụ thể về quy mô và chất lượng nhân sự để duy trì và phát triển các hoạt động của nhà trường. Bên cạnh việc củng cố phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên thì các nhân sự thực hiện các hoạt động phục vụ như: tuyển sinh, hỗ trợ người học, hành chính, marketing và truyền thông, học vụ, quản lý dữ liệu, thư viện, khảo thí,... là những bộ phận quan trọng góp phần không nhỏ vào quá trình vận hành, phát triển của cơ sở giáo dục ngoài công lập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1991), Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) số 02-NQ/HNTW về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1992 - 1995, ngày 4-12-1991.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1997), Nghị quyết 04-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 29/12/1997.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2000) Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.
4. Bộ Tài chính (2006), Thông tư số 91 /2006/TT-BTC hướng dẫn nghị định số 53/2006/NĐ – CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. Ngày 02/0/2006.
5. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT, Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, ngày 30/12/2021.
6. Chính phủ (1999), Nghị định số 73/1999/NĐ-CP, ngày 19/8/1999, *Chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.*
7. Chính phủ (2006), Nghị định số 53/2006/NĐ – CP ngày 25/5/2006, *Chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.*

8. Chính phủ (2017), Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017, *Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục*.
9. Chính phủ (2018), Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, ngày 06/06/2018, *Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục*.
10. Chính phủ (2019), Nghị quyết 35/NQ-CP, về việc tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.
11. Đào Thị Hòa (2020), *Quản lý trường đại học ngoài công lập trong cơ chế thị trường*, luận án Tiến sĩ, Đại học giáo dục, ĐHQGHN.
12. Quốc hội (2019), Luật số 43/2019/QH14, *Luật Giáo dục 2019*, ngày 14/6/2019.
13. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê.
14. Trần Thị Ngọc Trâm, Bùi Thị Kim Tuyền, *Một số mô hình quản lý cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên thế giới*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 295, tháng 5/2012, 62-65.
15. Trần Quốc Toàn (chủ trì) (2012), *Phát triển giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và trước nhu cầu hội nhập quốc tế*, đề tài cấp Quốc gia, mã số ĐTDL2007G/53.
16. <https://hanoimoi.vn/giao-duc-cong-lap-va-ngoai-cong-lap-la-hai-bo-phan-huu-co-cua-nen-giao-duc-401436.html>.
17. Phillip Brown and Hugh Lauder (2003), *The Future Of Schools: Lessons From The Reform Of Public Education*. <https://doi.org/10.4324/9780203486641>.

NON-PUBLIC EDUCATION IN VIETNAM: TRENDS, ROLE AND CHARACTERISTICS

Abstract: *Public education and non-public education are two parts that exist in parallel in the Vietnamese national education system. Developing non-public education is an inevitable trend in accordance with the objective development rules of education in the world as well as in Vietnam. Non-public education is experiencing strong development in our country's current context because of important roles such as: Contributing to reducing enrollment pressure and universalizing education at all levels, especially preschool education and primary school; mobilize extra-budget resources for educational development; promote an increase in educational quality; contribute to meeting the learning needs of learners; contributing to building a learning society and lifelong learning. In the socialist-oriented market mechanism, non-public education also possesses characteristics that can create breakthrough development, including: Complex non-profit and for-profit nature; ownership belongs to private property; high autonomy; High flexibility and adaptability to market mechanisms; streamlined, efficient; highly competitive;...*

Key words: *Non-public educational establishments, non-public education, market economy educational development trends.*